TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2025
V/v Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Văn Hai;
Ông Nguyễn Phát Triển.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2025 "V/v Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Chị Đào L, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp Tân B xa Th, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Dương T, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp Tân B, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Đào L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh Dương T tự tìm hiểu quen nhau rồi tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, cuộc sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày vợ chồng thường xuyên cự cải thường

phát sinh mâu thuẩn anh T không lo phát triển kinh tế gia đình mà ăn chơi cuộc sống hằng ngày chỉ mình chị L lo liệu, anh T lại có mối quan hệ với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài chị L đã nhiều lần khuyên nhưng anh T không thay đổi nên chị L đã bỏ về cha mẹ ruột sống vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay, từ những nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt chị L nhận thấy tình cảm không còn nữa nay Chị L xin được ly hôn với anh Dương T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Trọng N, sinh ngày 06/10/2009; Dương Trọng N, sinh ngày 05/5/2014, chị L yêu cầu nuôi 02 con và không yêu cầu anh Dương T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung chị Đào L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung chị Đào L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Dương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, việc tranh chấp về việc ly hôn giữa Phạm Ngọc Đến và Phan Văn Hùng theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Dương T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Dương T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn và tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày vợ chồng thường xuyên cự cải thường phát sinh mâu thuẩn anh T không lo phát triển kinh tế gia đình mà ăn chơi cuộc sống hằng ngày chỉ mình chị L lo liệu, anh T lại có mối quan hệ với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài chị L đã nhiều lần khuyên nhưng anh T không thay đổi

nên chị L đã bỏ về cha mẹ ruột sống vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay, tình trạng hôn nhân của chị L và anh T như trên được chứng minh bằng hành động cụ thể là anh T không chấp hành các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án để được hòa giải đoàn tụ, bỏ mặt không ý kiến gì, đồng thời cố ý không chấp hành pháp luật. Mặc dù, Tòa án đã động viên nhưng chị L vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T, mâu thuẩn của chị L và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc chị L yêu cầu ly hôn là thỏa mãn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung tên Dương Trọng N, sinh ngày 06/10/2009; Dương Trọng N, sinh ngày 05/5/2014; chị L yêu cầu nuôi 02 con việc giao con cho ai nuôi là xem xét điều kiện để nuôi con, chị L đang trực tiếp nuôi dạy con tốt, có đủ điều kiện nuôi con nên chấp nhận yêu cầu của chị L và cháu N, cháu N cũng có ý kiến muốn sống với mẹ, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào L được ly hôn với anh Dương T.

2. Về con chung: Chị Đào L được quyền tiếp tục nuôi 02 con chung tên Dương Trọng N, sinh ngày 06/10/2009; Dương Trọng N, sinh ngày 05/5/2014. Chị Đào L không yêu cầu anh Dương T cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Chị Đào L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Đào L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005658, ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Chị Đào L đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/5/2025). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho đương sự hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Cao Diễm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Út